

台灣、越南順化以北機關核發之文件驗證申請應備資料

一、文件驗證申請表(A1 表格)

二、申請驗證之文件:

(一)、台灣文件: 申請驗證之文件:原文須妥善裝釘,並經台灣公證人公證並須先經台灣外交部領事事務局驗證。

(二)、越南文件:越南語原文及中或英文譯文須妥善裝釘,並加蓋公證處騎縫圓章,越南語原文及譯文須先經越南外交部領事事務局或胡志明市外務廳驗證。當事人應出示文件之正本以供本處核對,正本文件驗畢退還。

三、申請人之護照(或經公證之身分證)

四、越南有效簽證、暫住證(非越南籍者)

五、第二至四項之文件應備齊正、影本各乙份

六、依照每一種文件的使用目的,本處將個案要求提供其他佐證文件正、影本各乙份包括:戶口名簿、戶籍謄本、社會保險、出生證明書、生產證明書、DNA 鑑定證明書、認領同意書等其他證明文件;本處因個案需要另函查其他相關單位。

七、規費:

普通件:每個簽章 15 美元

急件:每個簽章 22.5 美元

八、作業時間:

普通件: 4 個工作天(不包括送件日)

急件: 2 個工作天(不包括送件日)

一般案件於受理後驗證作業時間需 2 或 4 個工作天後核發,最常不得逾 2 個月;如有陳報外交部核示,或轉請相關機關查證者,不受以上作業時間限制,惟最長不得超過 6 個月。

九、收發件時間:

收件:發號碼牌:星期一至星期五上午 8:30 至 11:00

收件時間:星期一至星期五上午 8:30 至 12:00

發件:發號碼牌:星期一至星期五上午 8:30 至 12:00

發件時間:星期一至星期五上午 10:00 至 12:00

十、申請人倘委託給其他人代為辦理:

(一)受委託人須持經公證之合法委託書正本及上揭文件來處申請辦理文件驗證,並須出示受委託人身分證明文件如護照或身分證正、影各乙份,或公司/機關/組織介紹函正本。

(二)受委託人倘為當事人的父母、配偶、子女等親屬,可免委託書,並出示親屬關係證明包括出生證明書、戶籍謄本、結婚證書正、影本各乙份佐證。

**HỒ SƠ XIN XÁC NHẬN GIẤY TỜ
DO ĐÀI LOAN VÀ VIỆT NAM TỪ HUẾ TRỞ RA CẤP**

1. Đơn xin xác nhận giấy tờ (mẫu đơn A1)
2. Giấy tờ cần xác nhận
 - A. Đối với giấy tờ Đài Loan: Văn bản được công chứng bởi công chứng viên Đài Loan, và phải được hợp pháp hóa lãnh sự tại Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao Đài Loan.
 - B. Đối với giấy tờ Việt Nam từ Huế trở ra cấp: Một văn bản bao gồm **Bản tiếng Việt** và **Bản dịch** phải được ghim lại với nhau, được công chứng dịch thuật tại các Phòng công chứng Việt Nam, Phòng Công chứng cần đóng dấu giáp lai lên tất cả các trang của Văn bản, đồng thời Văn bản phải được hợp pháp hóa lãnh sự tại Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao Việt Nam trên cả **Bản tiếng Việt** và **Bản dịch**; **Đương sự phải xuất trình Bản gốc** của giấy tờ để Văn phòng Chúng tôi đối chiếu.
3. Hộ chiếu (nếu không có hộ chiếu thì có thể nộp thay thế Căn cước công dân đã công chứng tại Phòng Công chứng), thẻ cư trú, visa... của chủ giấy tờ
4. Visa Việt Nam (nếu chủ giấy tờ là người Đài Loan hoặc người nước ngoài)
5. Các giấy tờ từ mục 2 đến mục 4, đương sự phải nộp một bản photo để lưu hồ sơ
6. Tùy từng trường hợp và mục đích sử dụng giấy tờ cụ thể, Văn phòng Chúng tôi sẽ yêu cầu xuất trình bản gốc của một số giấy tờ chứng minh khác bao gồm: sổ hộ khẩu, trích lục hộ khẩu, bảo hiểm xã hội, giấy khai sinh, giấy chứng sinh, kết quả xét nghiệm ADN, giấy đồng ý nhận con đẻ, v.v... hoặc sẽ gửi công văn xác minh tới các cơ quan khác.
7. Lệ phí:
 - (a) Làm thường: 15 đô la Mỹ một tem
 - (b) Làm nhanh: 22.5 đô la Mỹ một tem
8. Thời gian làm việc:
 - (a) Làm thường: 4 ngày làm việc không kể ngày thu hồ sơ
 - (b) Làm nhanh: 2 ngày làm việc không kể ngày thu hồ sơ

Đối với những hồ sơ thông thường, tem xác nhận giấy tờ sẽ được cấp sau 2 hoặc 4 ngày thụ lý giải quyết hồ sơ nhưng không kéo dài quá 2 tháng; Tuy nhiên đối với một số trường hợp cần xin chỉ thị từ Bộ Ngoại giao Đài Loan hoặc phải gửi công văn đi xác minh với các cơ quan khác, thời gian trả kết quả sẽ phụ thuộc vào việc cơ quan đó trả lời, tuy nhiên sẽ không kéo dài quá 6 tháng.
9. Thời gian làm việc:
 - (a) Thu hồ sơ:

Phát sổ thu hồ sơ từ 8:30 đến 11:00 buổi sáng các ngày từ thứ hai đến thứ sáu

Thu hồ sơ: 8:30 đến 12:00 buổi sáng các ngày từ thứ hai đến thứ sáu

(b) Trả kết quả:

Phát số trả kết quả từ 8:30 đến 11:00 buổi sáng các ngày từ thứ hai đến thứ sáu

Trả kết quả: từ 10:00 đến 12:00 buổi sáng các ngày từ thứ hai đến thứ sáu

10. Trong trường hợp làm thay chủ giấy tờ:

(a) Giấy ủy quyền có đóng dấu của phường xã, bản photo giấy tờ tùy thân (CCCD, CMND, hộ chiếu) của người làm thay, bản photo giấy tờ tùy thân của chủ giấy tờ

(b) Giấy giới thiệu của cơ quan, bản photo giấy tờ tùy thân của người làm thay

(c) Người làm thay có quan hệ thân nhân (bố, mẹ, vợ, chồng con...có cùng hộ khẩu với chủ giấy tờ): 1 bản photo giấy tờ chứng minh mối quan hệ như hộ khẩu, giấy khai sinh, giấy kết hôn, bản photo giấy tờ tùy thân của người làm thay.